

Bài giảng

Tổ chức sản xuất

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ MỞ ĐẦU

I. Vị trí – mục tiêu môn học

1. Vị trí môn học: Tổ chức sản xuất là môn học quản lý kinh tế trong chương trình đào tạo các ngành kỹ thuật trong đó có ngành điện.

Môn học lấy doanh nghiệp làm đối tượng nghiên cứu về nguyên tắc tổ chức sản xuất và phương pháp quản lý nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm để thu được nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Trước khi học môn học này cần hoàn thành các môn học cơ sở, nên bố trí học trước khi học viên đi thực tập tốt nghiệp.

2. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

- Sắp xếp việc làm theo kế hoạch sản xuất của cơ sở một cách hợp lý và khoa học
- Bố trí việc làm phù hợp với khả năng và trình độ của người lao động.
- Tổ chức tiến độ sản xuất theo đúng qui định và kế hoạch của cơ sở.
- Điều động thiết bị vật tư phục vụ cho sản xuất một cách đầy đủ và chính xác
- Theo dõi điều chỉnh sản xuất kịp thời khi thay đổi công nghệ sản xuất.

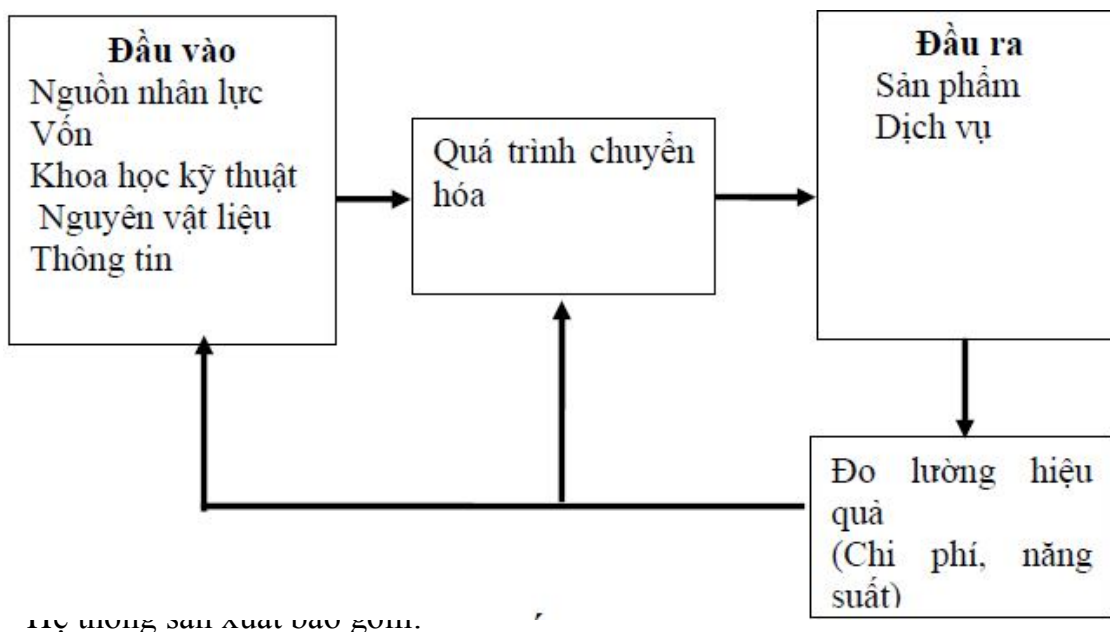
II. Một số khái niệm về tổ chức sản xuất

1. Khái niệm về hệ thống sản xuất:

Sản xuất là quá trình biến đổi những yếu tố đầu vào thành đầu ra. Mục đích của quá trình chuyển hóa này là tạo giá trị gia tăng để cung cấp cho khách hàng. Đầu vào của quá trình chuyển đổi bao gồm nguồn nhân lực, vốn, kỹ thuật, nguyên vật liệu, đất, năng lượng, thông tin... Đầu ra của quá trình chuyển đổi là sản phẩm, dịch vụ, tiền lương, những ảnh hưởng đối với môi trường.

Chức năng sản xuất là mọi hoạt động liên quan đến việc tạo ra sản phẩm và cung cấp dịch vụ. Nó không chỉ tồn tại trong hệ thống sản xuất chế tạo mà còn tồn tại trong lĩnh vực dịch vụ như hệ thống y tế, vận tải, khách sạn, nhà hàng...

HỆ THỐNG SẢN XUẤT



HỆ THỐNG SẢN XUẤT BAO GỒM:

- Hệ thống sản xuất chế tạo
- Hệ thống sản xuất dịch vụ

* *Hệ thống sản xuất chế tạo* làm ra các sản phẩm hữu hình có thể lưu giữ, tồn kho trong những chừng mực nhất định.

* *Hệ thống sản xuất dịch vụ (Non-Manufacturing Operation)*

Là các hệ thống sản xuất không tạo ra sản phẩm có hình dạng cụ thể mà tạo ra các sản phẩm vô hình, các dịch vụ như: khách sạn, ngân hàng, nhà hàng, bảo hiểm, kiểm toán,... Hệ thống sản xuất dịch vụ có những đặc trưng sau:

- Sản phẩm không tồn kho được.
- Quá trình sản xuất đi đôi với tiêu thụ và sử dụng.
- Chất lượng sản phẩm của hệ thống sản xuất này chỉ được xác định sau khi đã sử dụng xong sản phẩm đó.
- Tuy nhiên, ngày nay có những hệ thống sản xuất vừa tạo ra sản phẩm hữu hình vừa tạo ra sản phẩm vô hình.

2. Nội dung và những yêu cầu cơ bản của tổ chức sản xuất

a. Nội dung của quá trình sản xuất

Quá trình sản xuất là quá trình kết hợp hợp lý các yếu tố sản xuất để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cần thiết cho xã hội.

Nội dung cơ bản của quá trình sản xuất là quá trình lao động sáng tạo tích cực của con người.

Trong sản xuất người ta thường chia quá trình sản xuất thành hai dạng quá trình:

- *Quá trình tự nhiên*: là quá trình mà đối tượng lao động có những biến đổi vật lý, hóa học, sinh học mà không cần có sự tác động của lao động, hoặc chỉ cần tác động ở một mức độ nhất định.

- *Quá trình công nghệ*: là bộ phận quan trọng của quá trình sản xuất chế tạo, đó chính là quá trình làm thay đổi hình dáng, kích thước, tính chất vật lý, hóa học của đối tượng chế biến.

Quá trình công nghệ lại được phân chia thành nhiều giai đoạn công nghệ khác nhau, căn cứ vào các phương pháp chế biến khác nhau, sử dụng máy móc thiết bị khác nhau.

b. Loại hình sản xuất

Loại hình sản xuất là đặc tính tổ chức – kỹ thuật tổng hợp nhất của sản xuất được quy định chủ yếu bởi trình độ chuyên môn hóa của nơi làm việc, số chủng loại và tính ổn định của đối tượng chế biến trên nơi làm việc. Thực chất, loại hình sản xuất là dấu hiệu biểu hiện trình độ chuyên môn hóa của nơi làm việc.

Loại hình sản xuất là căn cứ rất quan trọng cho công tác quản lý hệ thống sản xuất hiệu quả. Hiện nay có thể chia loại hình sản xuất thành các loại như sản xuất khối lượng lớn, sản xuất hàng loạt trong đó có sản xuất hàng loạt lớn, sản xuất hàng loạt vừa, sản xuất hàng loạt nhỏ; sản xuất đơn chiếc và sản xuất dự án.

Đặc điểm các loại hình sản xuất

❖ Loại hình sản xuất khối lượng lớn

Sản xuất khối lượng lớn biểu hiện rõ nhất đặc tính của hệ thống sản xuất liên tục.

Đặc điểm của loại hình sản xuất khối lượng lớn là nơi làm việc chỉ tiến hành chế biến chi tiết của sản phẩm hay một bước công việc của quy trình công nghệ chế biến sản phẩm, nhưng với khối lượng rất lớn.

Với loại hình sản xuất này, người ta sử dụng máy móc thiết bị và dụng cụ chuyên dùng. Các nơi làm việc được bố trí theo nguyên tắc đối tượng. Công nhân được chuyên môn hóa cao. Đường đi của sản phẩm ngắn, ít quanh co, sản phẩm dở dang ít. Kết quả sản xuất được hạch toán đơn giản và khá chính xác.

❖ **Loại hình sản xuất hàng loạt**

Trong loại hình sản xuất hàng loạt, nơi làm việc được phân công chế biến một số loại chi tiết, bước công việc khác nhau. Các chi tiết, bước công việc này thay nhau lần lượt chế biến theo định kỳ.

❖ **Loại hình sản xuất đơn chiếc**

Sản xuất đơn chiếc là loại hình sản xuất thuộc sản xuất gián đoạn. Trong sản xuất đơn chiếc, các nơi làm việc thực hiện chế biến nhiều loại chi tiết khác nhau, nhiều bước công việc khác nhau trong quá trình công nghệ sản xuất sản phẩm.

Mỗi loại chi tiết được chế biến với khối lượng rất ít, thậm chí có khi chỉ một chiếc. Các nơi làm việc không chuyên môn hóa, được bố trí theo nguyên tắc công nghệ. Máy móc thiết bị vạn năng thường sử dụng trên các nơi làm việc.

Loại hình sản xuất đơn chiếc có tính linh hoạt cao.

❖ **Loại hình sản xuất dự án**

Sản xuất dự án cũng là một loại sản xuất gián đoạn, nhưng các nơi làm việc tồn tại trong khoảng thời gian ngắn theo quá trình công nghệ sản xuất của một loại sản phẩm hay đơn hàng nào đó. Sự tồn tại của nơi làm việc ngắn, nên máy móc thiết bị, công nhân thường phải phân công theo công việc, khi công việc kết thúc có thể giải tán lực lượng lao động này hoặc di chuyển đến các công việc khác.

c. Các nhân tố ảnh hưởng đến loại hình sản xuất

- Trình độ chuyên môn hóa của xí nghiệp
- Mức độ phức tạp của kết cấu sản phẩm
- Quy mô sản xuất của xí nghiệp

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP

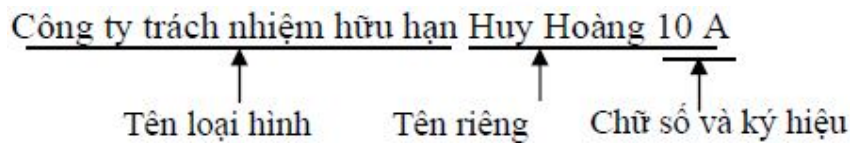
I. Khái niệm và phân loại doanh nghiệp

1. Khái niệm: Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Tên doanh nghiệp:

- Phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phát âm được và có ít nhất hai thành tố là tên loại hình doanh nghiệp và tên riêng.

Ví dụ:



- Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể sử dụng tên riêng bằng tiếng nước ngoài đã đăng ký để cấu thành một phần hoặc toàn bộ tên riêng của doanh nghiệp.

- Có thể sử dụng ngành, nghề kinh doanh, hình thức đầu tư hay yếu tố phụ trợ khác để cấu thành tên riêng nếu doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành, nghề hoặc thực hiện các hình thức đầu tư đó.

- Không được đặt trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Không sử dụng tên của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm một phần hoặc toàn bộ tên riêng của doanh nghiệp (trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó); không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức thuần phong mỹ tục của dân tộc và các qui định khác của pháp luật có liên quan.

2. Phân loại:

Có nhiều cách phân loại: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và hai thành viên trở lên, công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân.

a. Công ty trách nhiệm hữu hạn (CT TNHH): là loại hình doanh nghiệp khá phổ biến tại Việt Nam vì nó phù hợp cho các hoạt động kinh doanh ở quy mô vừa và nhỏ. CT TNHH có thể bao gồm nhiều thành viên hoặc một thành viên

* **Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên:** Thành viên của CT TNHH 2 thành viên trở lên có thể là cá nhân hoặc tổ chức đáp ứng các quy định về kiện làm thành viên do pháp luật và Điều lệ công ty quy định. Số lượng thành viên của công ty tối thiểu là 2 và tối đa là 50. CT TNHH 2 thành viên trở lên là doanh nghiệp có chế độ trách nhiệm tài sản hữu hạn. Mặt khác, các thành viên của công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty giới hạn trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.

Ngoài những đặc điểm vừa nêu trên, CT TNHH 2 thành viên trở lên còn có một số đặc điểm khác như: không được phát hành cổ phần, việc chuyển nhượng vốn của các thành viên tương đối phức tạp...

Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng phân xưởng sản xuất hoặc bộ phận sản xuất kinh doanh. Việc tập hợp được thực hiện hàng tháng và cuối mỗi tháng mà tiến hành phân bổ và kết chuyển vào đối tượng hạch toán chi phí.

Giá thành toàn bộ của sản phẩm hàng hóa dịch vụ bao gồm toàn bộ chi phí để hoàn thành việc sản xuất cũng như tiêu thụ sản phẩm, được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành toàn bộ} & & \text{Giá thành sản xuất} & & & & \text{Chi phí} \\ \text{của sản phẩm} & = & \text{của sản phẩm} & + & \text{Chi phí} & + & \text{Chi phí} \\ \text{hàng hóa, dịch vụ} & & \text{hàng hóa, dịch vụ} & & \text{bán hàng} & & \text{quản lý} \\ & & & & & & \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

*** Các khoản chi phí đưa vào hạch toán giá thành**

- Chi phí trực tiếp: là các chi phí có quan hệ trực tiếp đến quá trình sản xuất của một loại sản phẩm nhất định gồm:

- + Nguyên, nhiên vật liệu
- + Khấu hao TSCĐ
- + Công lao động trực tiếp
- + Công tác phí
- + Văn phòng phẩm

+ Khấu hao nhà cửa, kho tàng... + VRTMH

+ Sửa chữa thường xuyên TSCĐ

....

- Chi phí gián tiếp: là các chi phí có quan hệ đến việc quản lý các ngành sản xuất hay toàn bộ doanh nghiệp. Chi phí gián tiếp gồm:

Chi phí sản xuất chung: là các chi phí có liên quan đến nhiều loại sản phẩm của một ngành sản xuất gồm:

- + Thù lao lao động cho cán bộ đội (cán bộ quản lý, kỹ thuật)
- + Chi phí văn phòng phẩm phục vụ cho quản lý của đội
- + Khấu hao nhà (kho) của đội ...

Phương pháp phân bổ chi phí giống như phương pháp phân bổ chi phí quản lý

Chi phí quản lý là những chi phí có liên quan đến việc quản lý của cả doanh nghiệp.

- + Thù lao lao động cho cán bộ quản lý doanh nghiệp

Phân bổ chi phí quản lý:

$$\begin{array}{ccc} \text{Chi phí quản lý} & & \text{Tổng chi phí quản lý thực tế} \\ \text{phân bổ cho đối} & = & \text{-----} \\ \text{tượng tính giá} & & \text{Tổng chi phí trực tiếp của} \\ \text{thành} & & \text{toàn doanh nghiệp} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Chi phí} \\ \text{trực tiếp của} \\ \text{đối tượng tính} \\ \text{giá thành} \end{array}$$

2. Những biện pháp chủ yếu phấn đấu hạ giá thành sản phẩm

- Không ngừng nâng cao năng suất, sản lượng bằng cách ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa công nghệ mới vào sản xuất.

- Sử dụng có hiệu quả các loại chi phí, đặc biệt là khấu hao TSCĐ, rút ngắn thời gian sử dụng và giảm mức phân bổ khấu hao trên 1 đơn vị sản phẩm.

- Quản lý chặt chẽ, sử dụng đầy đủ, tiết kiệm, có hiệu quả các vật tư kỹ thuật, lao động.

Tailieu.vn